

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Hồ;

Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2018/TLST-HS, ngày 13 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn Q, sinh năm 1994 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: Bùi Văn L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1962; Anh em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 02 tiền án: Ngày 18 tháng 4 năm 2013 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26 tháng 5 năm 2014; Ngày 28 tháng 4 năm 2016 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tái phạm đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 21/5/2017; Tạm giữ: Ngày 26/10/2018; Tạm giam: Từ ngày 29 tháng 10 năm 2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã H (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Châu T, sinh năm 1997 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm A1, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn T1, sinh năm 1975 và bà Lê Thị G, sinh

năm 1977; Anh em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Về nhân thân: Ngày 12 tháng 06 năm 2015, Nguyễn Châu T bị Tòa án nhân dân thị xã H xử phạt một (01) năm (06) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 29 tháng 4 năm 2016, đương nhiên được xóa án tích; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Từ ngày 04 tháng 9 năm 2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã H (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Nguyên đơn dân sự*: A.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị D, sinh năm 1964 (có mặt);

Chức vụ: Hiệu trưởng A.

Địa chỉ: Khóm A1, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp P, xã P1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1. Huỳnh Cẩm H2, sinh năm 1983 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm A4, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Minh Tuấn, sinh năm 1985 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp A5, xã A6, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người chứng kiến*: Trần Văn R, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm A6, phường A2, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn Q có 02 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” đều chưa được xóa án tích, cụ thể:

- Ngày 18 tháng 4 năm 2013 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm sáu 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26 tháng 5 năm 2014;

- Ngày 28 tháng 4 năm 2016 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết tái phạm đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 21 tháng 5 năm 2017, nhưng lại tiếp tục phạm tội mới.

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08 tháng 7 năm 2018, Bùi Văn Q, Nguyễn Châu T và Nguyễn Văn H1 cùng nhau đi bắt ếch. Khi đến cổng tường rào A thuộc

khóm A1, phường A2, thị xã H, Bùi Văn Q quan sát không thấy ai trong trường nên rủ T trộm cắp tài sản, T đồng ý, cả hai cùng trèo tường rào vào trường. Khi vào đến phòng Ban Giám hiệu, T dùng cây kéo lấy tại nhà Nguyễn Văn H1 cạy ổ khóa cửa nhưng không được nên đưa kéo cho Q cạy ổ khóa và đột nhập vào bên trong. Trong lúc cạy cửa, Q và T phát hiện đầu Camera (mắt Camera) quan sát lắp đặt trên trần nhà ngoài hành lang trước cửa phòng Ban Giám hiệu trường, do sợ bị phát hiện và muốn lấy trộm đầu Camera nên Q kêu T tháo gỡ đầu Camera. T đứng lên lan can dùng kéo cắt dây điện và gỡ đầu Camera quan sát đưa cho Q giữ. Q và T vào phòng Ban giám hiệu tiếp tục dùng kéo cạy các tủ trong phòng tìm kiếm tài sản để trộm. T tháo rời các phích cắm điện của 03 bộ máy vi tính ra khỏi ổ cắm điện, Q lấy máy in bỏ vào bọc ny long màu đen và lấy 03 bộ máy vi tính để trên bàn gần cửa ra vào trong phòng Ban Giám hiệu. Ngay lúc này Q và T phát hiện có tiếng xe mô tô đang chạy vào trường nên cả hai bỏ chạy, lúc bỏ chạy Q ném đầu Camera xuống ao nước trước cửa trường.

Sau khi sự việc xảy ra cô Dương Thị D và cô Huỳnh Cẩm H2 đến trường phát hiện tài sản bị xáo trộn gồm: 03 bộ máy vi tính, 01 máy in bị gom để trên bàn, đầu Camera bị mất. Khi xem đầu ghi Camera ghi hình phát hiện hai T niên có hành vi cạy mở ổ khóa phòng nên ngày 12 tháng 7 năm 2018 cô Dương Thị D - Hiệu trưởng nhà trường đến Công an phường A2 trình báo vụ, việc.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Châu T bị bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản. Bùi Văn Q bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H ra Quyết định truy nã, đến ngày 26 tháng 10 năm 2018 thì bị bắt.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Châu T, Bùi Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

**** Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ:***

- 01 (Một) hóa đơn bán hàng ký hiệu 14AC/17P, số 0086179 ngày 17 tháng 12 năm 2017 của Cục thuế Đồng Tháp.

- 01 (Một) bộ máy vi tính gồm: Một (01) màn hình 14inch, nhãn hiệu ViewSonic; Một (01) CPU có cấu hình Pentium Dual-Core E2140, RAM 2GB;

- 01 (Một) bộ máy vi tính gồm: Một (01) màn hình 14inch, nhãn hiệu ViewSonic; Một (01) CPU có cấu hình Pentium Dual-Core E5500, RAM 2GB

- 01 (Một) bộ máy vi tính gồm: Một (01) màn hình 14inch, nhãn hiệu Lenovo; Một (01) CPU có cấu hình Pentium Dual-Core E5700, RAM 1GB và 01 máy in hiệu Canon 2900;

- 01(Một)USB hiệu Apacer, màu trắng, bên trong chứa hai (02) đoạn Video ghi lại hình ảnh các đối tượng từ bên ngoài đột nhập vào A để trộm cắp tài sản, vào khoảng thời gian từ 12 giờ 11 phút đến 12 giờ 59 phút;

* Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 Camera ESC 608 đã qua sử dụng (không thu hồi được nhưng có hóa đơn chứng từ), giá tài sản còn lại là 1.380.000đồng.

* Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐG ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

- 01 (Một) bộ máy vi tính gồm: Một (01) màn hình 14inch, nhãn hiệu ViewSonic; Một (01) CPU có cấu hình Pentium Dual-Core E2140, RAM 2GB, giá trị thực tế còn lại là 3.500.000đồng;

- 01 (Một) bộ máy vi tính gồm: Một (01) màn hình 14inch, nhãn hiệu ViewSonic; Một (01) CPU có cấu hình Pentium Dual-Core E5500, RAM 2GB, giá trị thực tế còn lại là 4.125.000đồng;

- Một (01) bộ máy vi tính gồm: Một (01) màn hình 14inch, nhãn hiệu Lenovo; Một (01) CPU có cấu hình Pentium Dual-Core E5700, RAM 1GB và 01 máy in hiệu Canon 2900; giá trị thực tế còn lại là 4.650.000 đồng;

Qua điều tra nhận thấy 03 bộ máy vi tính và một 01 máy in đang phục vụ cho việc giảng dạy và thực hiện công việc chuyên môn của nhà trường nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H trao trả lại các vật chứng tRn cho đại diện theo pháp luật của A là cô Dương Thị D - Hiệu trưởng nhà trường.

- Đối với cây kéo, bị cáo Bùi Văn Q khai không nhớ đã để ở đâu nên không truy tìm được.

- Đối với Camera, bị cáo Bùi Văn Q khai đã ném xuống ao nước trước cửa trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H có tổ chức truy tìm nhưng không tìm được.

*** Về dân sự:**

Đại diện nguyên đơn dân sự cô Dương Thị D yêu cầu các bị cáo bồi thường cho trường Tiểu học -Trung học cơ sở A2 01 Camera mà các bị cáo đã lấy trộm; Riêng phần cửa phòng bị cạy khóa hư hỏng thì không yêu cầu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường cho anh cây kéo bị mất.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT-VKS-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H truy tố bị cáo Bùi Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo

điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Châu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn Q và Nguyễn Châu T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và đồng ý bồi thường thiệt hại giá trị Camera bị mất cho A với số tiền là 1.380.000đồng.

Người đại diện theo pháp luật của A yêu cầu xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định pháp luật, đồng thời yêu cầu 02 bị cáo bồi thường thiệt hại Camera bị mất là 1.380.000đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H thực hành quyền công tố khẳng định: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Châu T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Châu T và Bùi Văn Q. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Châu T từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn Q từ 03 năm đến 04 năm tù.

Đối với Nguyễn Văn H1 (H1 Kịch) do không biết Bùi Văn Q và Nguyễn Châu T đi trộm cắp tài sản, H1 chỉ biết sự việc sau khi T, Q đã hoàn thành việc trộm cắp (nghe T và Q kể lại) nên không có đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” và không cấu thành tội “không tố giác tội phạm” nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 288, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Châu T và Bùi Văn Q liên đới bồi thường cho A giá trị Camera bị mất là 1.380.000đồng.

Đối với cây kéo, bị cáo Bùi Văn Q khai không nhớ đã để ở đâu nên không truy tìm được và anh Nguyễn Văn H1 cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục quản lý:

- 01 (Một) USB hiệu Apacer, màu trắng, bên trong chứa hai (02) đoạn video ghi lại hình ảnh các đối tượng từ bên ngoài đột nhập vào A để trộm cắp tài sản, vào khoảng thời gian từ 12 giờ 11 phút đến 12 giờ 59 phút đã niêm phong

- 01 (Một) hóa đơn bán hàng ký hiệu 14AC/17P, số 0086179 ngày 17 tháng 12 năm 2017 của Cục thuế Đồng Tháp.

Bị cáo Bùi Văn Q và Nguyễn Châu T thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

TRn cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Bùi Văn Q và Nguyễn Châu T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho Xã hội. Do muốn nhanh có tiền tiêu xài cá nhân không bỏ sức lao động vất vả mà các bị cáo đã lén lút vào trộm tài sản trong A định đem bán để lấy tiền tiêu xài, nhưng khi lấy xong tài sản chưa kịp đem tiêu thụ thì bị phát hiện và bắt giữ. Đặc biệt đối với bị cáo Bùi Văn Q khi thực hiện hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Căn cứ vào lời thừa nhận của các bị cáo, lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Căn cứ Bản kết luận giám định số: 22/KL-HĐĐG ngày 26/7/2018 và Bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐG ngày 29/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của A là 13.655.000đồng.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi phạm tội của bị Bùi Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Châu T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a);
- g) Tái phạm nguy hiểm.”

Tội phạm mà các bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt giá trị tuy không lớn, nhưng hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho Xã hội, đã làm cho quần chúng nhân dân hoang mang lo sợ, thiếu an tâm trong lao động sản xuất, nên phải xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với hình thức đồng phạm, nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, nên Hội đồng xét xử phải xem xét vai trò phạm tội của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

[2] Trong đó, bị cáo Bùi Văn Q là người khởi xướng, rủ R bị cáo Nguyễn Châu T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cũng là người cùng thực hiện hành vi lấy trộm tài sản cùng với bị cáo Nguyễn Châu T. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đã 2 lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, đáng ra bị cáo phải biết ăn năn hối cải để phấn đấu trở thành công dân tốt, tìm cho mình việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng từ mồ hôi công sức của mình, nhưng với bản chất lười biếng lao động, bị cáo lại tiếp tục có hành vi lén lút trộm tài sản bán để nhằm có tiền thỏa mãn nhu cầu của bản thân, điều đó thể hiện bản chất xem thường pháp luật nên phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Đối với bị cáo Nguyễn Châu T, khi bị cáo Bùi Văn Q rủ R thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là bị cáo đồng ý và thực hiện ngay, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm tài sản. Về nhân thân bị cáo cũng đã bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản nhằm mục đích bán để lấy tiền tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo cũng rất nguy hiểm cho xã hội nên cũng phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hai bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội

đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và Xã hội. Đồng thời, xét thấy các bị cáo phạm tội trong trường hợp phạm tội chưa đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Đối với Nguyễn Văn H1 (H1 Kịch) do không biết Bùi Văn Q và Nguyễn Châu T đi trộm cắp tài sản, H1 chỉ biết sự việc sau khi T, Q đã hoàn thành việc trộm cắp (nghe T và Q kể lại) nên không có đồng phạm về tội “*Trộm cắp tài sản*” và không cấu thành tội “*không tố giác tội phạm*”, Viện kiểm sát không truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với 03 bộ máy vi tính và 01 máy in mà các bị cáo trộm của A, trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho A, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng đối với Camera mà 2 bị cáo trộm của trường, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được, bà Dương Thị D là người đại diện theo pháp luật của trường Tiểu học và Trung học A2 yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị còn lại của Camera theo giá Hội đồng định giá định với số tiền là 1.380.000đồng, các bị cáo Bùi Văn Q và Nguyễn Châu T thống nhất bồi thường, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo với đại diện nguyên đơn dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cây kéo mà các bị cáo lấy tại nhà của ông Nguyễn Văn H1, hiện nay không thu hồi được và ông H1 cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các tài liệu, chứng cứ:

- 01(Một) USB hiệu Apacer, màu trắng, bên trong chứa hai (02) đoạn video ghi lại hình ảnh các đối tượng từ bên ngoài đột nhập vào A để trộm cắp tài sản, vào khoảng thời gian từ 12 giờ 11 phút đến 12 giờ 59 phút đã niêm phong.

- 01(Một) hóa đơn bán hàng ký hiệu 14AC/17P, số 0086179 ngày 17 tháng 12 năm 2017 của Cục thuế Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tiếp tục lưu hồ sơ vụ án để làm chứng cứ vụ án.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ tRn,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Châu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 26 tháng 10 năm 2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Châu T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 04 tháng 9 năm 2018.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 288, Điều 587, Điều 598 của Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Bùi Văn Q, bị cáo Nguyễn Châu T với bà Dương Thị D là người đại diện của nguyên đơn dân sự A: Các bị cáo Bùi Văn Q và Nguyễn Châu T đồng ý liên đới bồi thường cho Trường Tiểu học và Trung học cơ sở A2 số tiền là 1.380.000đồng (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

* Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án:

- 01(Một) USB hiệu Apacer, màu trắng, bên trong chứa hai (02) đoạn video ghi lại hình ảnh các đối tượng từ bên ngoài đột nhập vào A để trộm cắp tài sản, vào khoảng thời gian từ 12 giờ 11 phút đến 12 giờ 59 phút đã niêm phong

- 01 (Một) hóa đơn bán hàng ký hiệu 14AC/17P, số 0086179 ngày 17 tháng 12 năm 2017 của Cục thuế Đồng Tháp.

* Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Bùi Văn Q và Nguyễn Châu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 02 bị cáo phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tRn số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TX. H;
- Cơ quan Điều tra Công an TX. H;
- Cơ quan THA HS Công an TX. H;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống

